

Bản án số: 536/2018/DS-ST
Ngày: 01 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Kiên;
2. Bà Lê Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2018/TLST-DS ngày 28/6/2018 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên N; Trụ sở: đường Đ, Phường MH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994 - là nhân viên Công ty tài chính TNHH MTV N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2048/UQTA-VH.18 ngày 30/5/2018) - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh V là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/5/2016 bà Trần Thị Ngọc Y có ký với Công ty tài chính TNHH MTV N (gọi tắt là công ty) “Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 và đã được công ty phê duyệt vay số tiền 39.043.313 đồng để tất toán khoản vay cũ của bà Yến với công ty, số còn lại để tiêu dùng cá nhân, với lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà Yến có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 68.861.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn 33 tháng. Trong 32 tháng đầu, mỗi tháng trả

2.082.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.237.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Ngọc Y đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho công ty được 26.482.000 đồng. Từ ngày 09/3/2018, bà Yến không thanh toán thêm khoản nào mặc dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay, Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu thanh lý hợp đồng, buộc cá nhân bà Trần Thị Ngọc Y thanh toán số nợ còn lại là: 42.379.000 đồng (trong đó: Nợ gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, lãi theo hợp đồng là 14.070.863 đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp công ty có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Yến chưa trả hết số nợ nêu trên thì bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bà Trần Thị Ngọc Y là bị đơn trình bày: Bà thừa nhận toàn bộ lời trình bày của đại diện nguyên đơn là đúng.

Ngày 26/5/2016 bà có ký với Công ty tài chính TNHH MTV N (gọi tắt là công ty) “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 và đã được công ty phê duyệt vay số tiền 39.043.313 đồng để tất toán khoản vay cũ của bà với công ty, số còn lại bà để tiêu dùng cá nhân, với lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 68.861.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn 33 tháng. Trong 32 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.082.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.237.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho công ty được 26.482.000 đồng. Từ ngày 09/3/2018, do bà bị bệnh phải nghỉ làm, chồng cũng bị bệnh không có thu nhập nên không có điều kiện thanh toán thêm khoản nào.

Nay, bà Yến xác nhận còn nợ Công ty tài chính TNHH MTV N theo “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 số tiền là: 42.379.000 đồng (trong đó: Nợ gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, lãi theo hợp đồng là 14.070.863 đồng).

Do hiện tại bà rất khó khăn, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thanh toán số nợ nêu trên. Bà đề nghị phía nguyên đơn tạo điều kiện bỏ phần lãi, số nợ gốc 28.308.137 đồng xin được trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ. Bà cũng đồng ý chấm dứt “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294. Quá trình vay và thực hiện hợp đồng, công ty không giữ tài sản hay giấy tờ gì của bà.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V trình bày: Mặc dù thông cảm cho bà Yến là điều kiện gia đình khó khăn, nhưng đây là quy định của công ty. Bà Yến đã vi phạm thời hạn trả nợ, mỗi tháng bà chỉ trả được 500.000 đồng thì thời gian trả sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty nên không đồng ý với phương án trả nợ nêu trên của bà Yến. Về tiền lãi, do yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nên phần lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền là 13.323.803 đồng, các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên. Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Y vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Công ty tài chính TNHH Một thành viên N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và bà Trần Thị Ngọc Y có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016). Do phía bà Trần Thị Ngọc Y vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016 giữa Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và bà Trần Thị Ngọc Y. Nội dung các bên thỏa thuận thời hạn vay là 33 tháng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Ngọc Y đã thanh toán cho công ty được tổng cộng là 26.482.000 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 09/3/2018. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào ngày 31/5/2018 Công ty tài chính TNHH Một thành viên N đã khởi kiện. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Hiền Thảo làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 50/UQ-VH.18 ngày 18 tháng 4 năm 2018) và ông Lê Hiền Thảo có văn bản ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh V làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số 2048/UQTA-VH.18 ngày 30 tháng 5 năm 2018), nên Tòa án triệu tập ông Nguyễn Thanh V để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 26/9/2018 bà Trần Thị Ngọc Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu thanh lý hợp đồng tín dụng số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016, buộc bị đơn thanh toán số nợ còn lại là: 41.631.940 đồng (trong đó: Nợ gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, lãi theo hợp đồng là 13.323.803 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở

xác định nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền 39.043.313 đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng.

[6] Theo thỏa thuận tại khoản 10.3 Điều 10 của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016 thì hợp đồng chấm dứt vào thời điểm các bên hoàn thành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng, trong đó bên vay đã thanh toán đầy đủ số tiền vay. Theo Bảng tính lãi thì thời điểm bên vay thanh toán đầy đủ số tiền vay để chấm dứt hợp đồng là ngày 01/3/2019. Theo khoản 6.2 Điều 6 của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” nêu trên thì Công ty có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bên vay thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng có cơ sở để chấp nhận yêu cầu thanh lý chấm dứt hợp đồng và yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

[7] Về số nợ: Cả hai bên đều thừa nhận bà Yến hiện còn nợ Công ty tài chính TNHH MTV Nổ tiền là: 42.379.000 đồng (trong đó: Nợ gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, lãi theo hợp đồng là 14.070.863 đồng). Tại phiên tòa hôm nay, do yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nên phần lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu trả là 13.323.803 đồng và gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, tổng cộng là 41.631.940 đồng là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn đề nghị phía nguyên đơn tạo điều kiện bỏ phần lãi, số nợ gốc 28.308.137 đồng xin được trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ. Phía nguyên đơn không đồng ý vì cho rằng bà Yến đã vi phạm thời hạn trả nợ, mỗi tháng bà chỉ trả được 500.000 đồng thì thời gian trả sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[9] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016 mà hai bên đã ký kết.

[12] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bà Trần Thị Ngọc Y thuộc diện khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường và có đơn xin giảm án phí nên bà được giảm 50% mức án phí phải nộp.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 389, Điều 401, Điều 405, Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 429, Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên N:

1.1. Chấm dứt “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016 giữa Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và bà Trần Thị Ngọc Y;

1.2. Buộc bà Trần Thị Ngọc Y có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên N số tiền còn nợ của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20160526-100155-2294 ngày 26/5/2016 là 41.631.940 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm ba mươi một ngàn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc đến hạn là 28.308.137 đồng, lãi theo hợp đồng là 13.323.803 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.3. Kể từ ngày Công ty tài chính TNHH Một thành viên N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị Ngọc Y chưa trả hết số nợ nêu trên thì bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.082.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng) do bà Trần Thị Ngọc Y chịu. Tuy nhiên, bà Trần Thị Ngọc Y thuộc diện khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường và có đơn xin giảm án phí nên bà được giảm 50% mức án phí phải nộp. Số tiền án phí còn lại bà Yến phải nộp là 1.041.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng);

2.2. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.059.475 đồng (Một triệu không trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0029542 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp